

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HSST
Ngày 13-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Hồng Nga;

Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 430/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc N , sinh năm 1989, tại tỉnh B; thường trú: Số 1126/8A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Ngọc T (chết) và bà Lê Thị M , sinh năm 1956; chồng tên Nguyễn Trọng T , sinh năm 1989 và có 02 con lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2017, có mặt.

2. Roãn Mạnh H, sinh năm 1984, tại tỉnh N ; thường trú: Xóm 7, xã G, huyện G, tỉnh N; chỗ ở: Khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Roãn Đình H (chết) và bà Vũ Thị M , sinh năm 1957; bị cáo có 02 chị em lớn sinh năm 1982 và nhỏ là bị cáo; vợ tên Phạm Thị B (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2017, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Nguyễn K, sinh năm 1973; thường trú: Số 28/9B, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Thu N2, sinh năm 1966; thường trú: 1126/8A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt;

Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Trường C, sinh năm 1975; thường trú: Ngõ 117, tổ 11, khu phố N, quận H, thành phố H; chỗ ở: Tổ 30, đường L, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Q; chỗ ở: Khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt;
3. Ông Vũ Như T, sinh năm 1981; thường trú: Xã Đ, huyện T, tỉnh P; chỗ ở: Đường số 8, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố H, vắng mặt;
4. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1980; thường trú: Số 26C, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc N là đối tượng nghiện ma túy và bắt đầu buôn bán ma túy từ tháng 08/2017. N mua ma túy của một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực quận 8, thành phố H về phân nhỏ ra làm nhiều liều bán cho các đối tượng nghiện đồng thời cũng có ma túy để N sử dụng. Ai có nhu cầu mua ma túy thì gọi điện thoại cho N qua số 0935033921 để thỏa thuận giá cả, số lượng và địa điểm giao nhận. Với phương thức trên, tối ngày 13/9/2017, tại xưởng gỗ T thuộc khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, N bán cho Đỗ Trường C, sinh năm 1975, thường trú ngõ 117, tổ 11, phố N, quận H, thành phố H 01 liều ma túy với giá 200.000 đồng, bán cho Roãn Mạnh H, sinh năm 1984 thường trú xóm 7, xã G, huyện G, tỉnh N 01 liều ma túy giá 200.000 đồng nhưng H chưa trả tiền. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/9/2017, N đến xưởng gỗ T lấy tiền mà H còn thiếu. Tại đây, H đưa cho N 500.000 đồng, nhưng N không có tiền thối lại nên đưa cho H thêm 03 liều ma túy, trong đó có 01 liều giá 300.000 đồng, 02 liều còn lại mỗi liều giá 150.000 đồng và dặn H cầm giúp N, khi nào có ai mua N gọi điện thoại hoặc có người lấy ma túy thì H đưa cho người đó H đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số 61N6-4456 đến xưởng gỗ T, gặp Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, thường trú xã T, huyện T, tỉnh Q lấy 300.000 đồng và kêu H đưa cho Đ 02 liều ma túy, giá mỗi liều là 150.000 đồng. Nghe N nói, H lấy 03 gói ma túy cầm trên tay đưa cho Đ và nói Đ tự lựa và lấy 01 gói ma túy thì bị lực lượng Công an phường T bắt quả tang N, H, Đ, C và yêu cầu ai có ma túy thì giao nộp, lúc này C lấy trong túi quần ra 01 gói ma túy, N lấy trong áo ngực ra 10 gói ma túy giao nộp cho Công an. Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra còn làm việc với Phạm Văn P, P khai sử dụng ma túy từ đầu năm 2017, lần cuối sử dụng ma túy cách ngày 14/9/2014 khoảng 02 tháng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Nguyễn Thị Ngọc N và các đối tượng nghiện đã thừa nhận N đã bán ma túy tại xưởng gỗ T, các lần cụ thể như sau:

- Bán cho Roãn Mạnh H 02 lần ma túy vào ngày 13/9/2017 và ngày 14/9/2017, lần đầu giá 200.000 đồng, lần thứ hai giá 300.000 đồng;
- Bán cho Đỗ Trường C 07 lần ma túy, 02 lần gần nhất là ngày 12 và 13/9/2017, mỗi lần giá 150.000 đồng đến 400.000 đồng;
- Bán cho Nguyễn Văn Đ 02 lần ma túy, vào ngày 13/9/2017 giá 400.000 đồng và ngày 14/9/2017 giá 300.000 đồng;
- Bán cho Vũ Như T 01 lần ma túy, vào ngày 10/9/2017 với giá 100.000 đồng.

Ngày 14/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thị Ngọc N, Roãn Mạnh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

** Tang vật tạm giữ:*

- 10 gói ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng thu của N;
- 02 gói ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng thu của H;
- 01 gói ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng thu của Đ;
- 01 gói ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng thu của C;
- 01 xe mô tô biển số 61N6-4456 thu của N;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có sim số 0935.033921 và điện thoại Lenovo có sim số 0925.547.568 thu của N.
- Số tiền 600.000 đồng thu của N.

* Căn cứ kết luận giám định số 422/GĐ-PC54 ngày 16/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong có chữ ký của Đỗ Trương C gửi đến giám định có trọng lượng 0,2447gam, loại methamphetamine.

* Căn cứ kết luận giám định số 423/GĐ-PC54 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Ngọc N gửi đến giám định có trọng lượng 1,9991 gam, loại methamphetamine.

* Căn cứ kết luận giám định số 424/GĐ-PC54 ngày 17/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong có chữ ký của Roãn Mạnh H gửi đến giám định có trọng lượng 0,2620 gam, loại methamphetamine.

* Căn cứ kết luận giám định số 425/GĐ-PC54 ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn Đ gửi đến giám định có trọng lượng 0,1350 gam, loại methamphetamine.

* Đối với Nguyễn Văn Đ và Đỗ Trường C có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra quyết định xử phạt hành chính mỗi đối tượng số tiền 1.500.000 đồng theo khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và thông báo về địa phương nơi Đ, C cư trú để quản lý.

* Đối với Vũ Như T và Phạm Văn P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra quyết định xử phạt hành chính mỗi đối tượng số tiền 750.000 đồng theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và thông báo về địa phương nơi T, P cư trú để quản lý.

* Đối với xe mô tô biển số 61N6-4456 là do bà Huỳnh Thị Nguyễn K, sinh năm 1973, HKTT: 28/9B khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B đứng tên sở hữu, năm 2014, bà K bán xe nói trên cho bà Nguyễn Thị Thu N2 chưa làm thủ tục sang tên. Bà N2 là mẹ chồng của N, bà N2 cho N mượn làm phương tiện đi lại, N sử dụng làm phương tiện phạm tội bà N2 không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại cho bà N2.

* Đối với điện thoại hiệu Lenovo có sim số 0925.547.568 không liên quan đến hành vi phạm tội đã trả lại cho gia đình bị can Nguyễn Thị Ngọc N.

* Đối với điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có sim số 0935.033921 và số tiền 600.000 đồng là phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính của bị cáo N đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

*Đối với đối tượng bán ma túy cho N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đang xác minh làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 378/GĐ-PC54 ngày 15/08/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương nêu trên.

Tại cáo trạng số 22/QĐ - KSĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và truy tố bị cáo Roãn Mạnh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù; áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt Roãn Mạnh H mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo N và H xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 12 giờ 30 ngày 14/9/2017 tại xưởng gỗ Tùng C thuộc khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, Nguyễn Thị Ngọc N cùng Roãn Mạnh H bán ma túy cho đối tượng Nguyễn Văn Đ thì bị lực lượng Công An thị xã Dĩ An tuần tra phát hiện. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”; “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần...”

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N khai nhận đã nhiều lần bán ma túy cho bị cáo Roãn Mạnh H, các đối tượng Đỗ Trùng C, Nguyễn Văn Đ, Vũ Như T. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Roãn Mạnh H, việc bị cáo khai nhận không thu lợi bất chính gì từ việc bị cáo và bị cáo N bán ma túy cho đối tượng Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, bị cáo H là người giữ ma túy cho bị cáo N, trực tiếp gặp và đưa ma túy cho Đ. Hành vi này của bị cáo H đã là người đồng phạm và giúp sức để bị cáo N thực hiện hành vi mua bán ma túy, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H thực hiện là nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây tác hại rất lớn cho bản thân, cho xã hội và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ma túy là tiền đề của tội phạm. Hiện nay, Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đang ra sức tuyên truyền cho người dân hiểu biết về tác hại của ma túy và ra sức phòng chống. Chỉ vì tham lam tự lợi muốn kiếm lời từ việc mua bán ma túy và để có ma túy sử dụng nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm là xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý mức án phù hợp có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo nhằm giáo dục trực tiếp bị cáo và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo đoạn tuyệt với ma túy.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho đối với cả hai bị cáo.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo là người lao động chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 bì thư niêm phong số 422/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,1626gam; 01 bì thư niêm phong số 423/PC54 trọng lượng sau giám định là 1,8933gam; 01 bì thư niêm phong số 424/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,1858gam; 01 bì thư niêm phong số 425/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,0919gam do đã không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với : 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ, số imei 353664/05/947023/3 và sim số 0935033921; Số tiền 600.000 đồng của bị cáo

Nguyễn Thị Ngọc N. Đây là công cụ phương tiện phạm tội và số tiền 600.000 đồng do bị cáo N thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[8] Đối với đối tượng bán ma túy cho N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đang xác minh làm rõ xử lý sau.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Roãn Mạnh H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a và đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bì thư niêm phong số 422/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,1626g;

- 01 bì thư niêm phong số 423/PC54 trọng lượng sau giám định là 1,8933g;

- 01 bì thư niêm phong số 424/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,1858g;

- 01 bì thư niêm phong số 425/PC54 trọng lượng sau giám định là 0,0919g;

- 01 sim điện thoại số 0935033921.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ , số imei 353664/05/947023/3;

- Số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng do bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N thu lợi bất chính.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/12/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Roãn Mạnh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (03);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (06);
- Các bị cáo (02)
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh